

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ LÃNH ĐẠO CHÍNH TRỊ

★ GS, TS TẠ NGỌC TẤN

Nguyên Ủy viên Trung ương Đảng,
nguyên Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh,
Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng Lý luận Trung ương

● **Tóm tắt:** Tư tưởng về lãnh đạo có vị trí rất quan trọng trong hệ thống di sản phong phú, quý báu của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Trong đó, hoạt động lãnh đạo bao hàm ba nội dung chính yếu là: (1) Đề ra mục tiêu; (2) Đưa ra được hệ thống giải pháp và tổ chức được lực lượng để thực hiện mục tiêu; (3) Kiểm tra, kiểm soát nhằm bảo đảm hiệu quả việc thực hiện mục tiêu. Mục đích cuối cùng của lãnh đạo là mang lại những điều tốt đẹp cho đất nước, cho cuộc sống của Nhân dân. Theo Hồ Chí Minh, cách thức lãnh đạo tập trung ở các vấn đề: lãnh đạo bằng mục tiêu, đường lối chiến lược; lãnh đạo bằng công tác tư tưởng; lãnh đạo bằng công tác tổ chức, cán bộ; lãnh đạo bằng công tác kiểm tra, giám sát; lãnh đạo bằng nêu gương (nhất là nêu gương về đạo đức, lối sống).

● **Từ khóa:** Tư tưởng Hồ Chí Minh; lãnh đạo chính trị; mục đích lãnh đạo; cách thức lãnh đạo chính trị; tư tưởng Hồ Chí Minh về lãnh đạo chính trị.

1. Đặt vấn đề

Trong di sản tư tưởng phong phú, quý báu của Chủ tịch Hồ Chí Minh để lại cho các thế hệ mai sau, tư tưởng về lãnh đạo có vị trí rất quan trọng, giá trị lý luận và ý nghĩa thực tiễn to lớn. Những giá trị, ý nghĩa to lớn của tư tưởng Hồ Chí Minh về lãnh đạo xuất phát từ phương pháp tiếp cận, tính chất hợp lý, logic chặt chẽ của các nội dung, các luận điểm được dựa trên những cơ sở thực tế chắc chắn, hình thức trình bày đơn giản, dễ hiểu, mở ra khả năng ứng dụng rộng rãi và hiệu quả trong thực tiễn. Hơn thế nữa, giá trị và ý nghĩa của tư tưởng đó còn được trải nghiệm, đúc kết và bảo đảm bằng cả cuộc đời hoạt động vô cùng

phong phú, trải qua nhiều thách thức khó khăn, phức tạp, với những thành công to lớn trong phạm vi quốc gia và quốc tế của lãnh tụ thiên tài của dân tộc, nhà lãnh đạo xuất chúng của Đảng Cộng sản và Nhà nước Việt Nam, nhà hoạt động xuất sắc của phong trào công nhân, cộng sản và giải phóng dân tộc thế giới.

2. Khái niệm lãnh đạo

Tư tưởng của Hồ Chí Minh về lãnh đạo chủ yếu tập trung bàn về lãnh đạo chính trị gắn với tầm mức và vai trò của Đảng đối với dân tộc, Nhân dân và đất nước. Đây cũng chính là lĩnh vực mà Người đã tận hiến cả cuộc đời mình, trở thành một lãnh tụ lỗi lạc của dân tộc, của Nhân

dân, nhà lãnh đạo xuất sắc của đất nước, nhà hoạt động nổi tiếng của phong trào công nhân, cộng sản và giải phóng dân tộc thế giới.

Trong tác phẩm *Sửa đổi lối làm việc*, một tác phẩm được nhiều học giả đánh giá là có ý nghĩa kinh điển về lãnh đạo, Hồ Chí Minh đưa ra luận điểm về *lãnh đạo đúng*, theo đó:

“*Lãnh đạo đúng nghĩa là:*

1. Phải quyết định mọi vấn đề một cách cho đúng. Mà muốn thế thì nhất định phải so sánh kinh nghiệm của dân chúng. Vì dân chúng chính là những người chịu đựng cái kết quả của sự lãnh đạo của ta.

2. Phải tổ chức sự thi hành cho đúng. Mà muốn vậy, không có dân chúng giúp thì không xong.

3. Phải tổ chức sự kiểm soát, mà muốn kiểm soát đúng thì cũng phải có quần chúng giúp mới được”⁽¹⁾.

Nếu *lãnh đạo là một quá trình hoạt động nhằm gây ảnh hưởng, lôi kéo sự tham gia của xã hội hay một cộng đồng cụ thể để thực hiện mục tiêu được đặt ra* thì lãnh đạo phải bao hàm ba nội dung chính yếu: *đề ra mục tiêu*; đưa ra được *hệ thống giải pháp và tổ chức được lực lượng* để thực hiện mục tiêu; *kiểm tra, kiểm soát nhằm bảo đảm hiệu quả việc thực hiện mục tiêu*.

Trong quan niệm về *lãnh đạo đúng* mà Hồ Chí Minh đã đưa ra đã bao hàm đầy đủ ba nội dung của quá trình lãnh đạo, bao gồm: (1) “*Phải quyết định mọi vấn đề một cách cho đúng*” tức là đề ra mục tiêu đúng đắn; (2) “*Phải tổ chức sự thi hành cho đúng*” tức là đưa ra hệ thống giải pháp và tổ chức lực lượng thực hiện mục tiêu; (3) “*Phải tổ chức sự kiểm soát*” tức là yêu cầu kiểm tra, kiểm soát để bảo đảm hiệu quả việc thực hiện mục tiêu.

Ở tầm mức lãnh đạo đất nước, lãnh đạo xã hội, *lãnh đạo đúng* phải bảo đảm sự nhìn nhận đúng vai trò của Nhân dân. Trong tư tưởng của Hồ Chí Minh, Nhân dân không đơn thuần là đối tượng

của lãnh đạo mà quan trọng hơn, Nhân dân vừa là cơ sở xuất phát để quyết định mục tiêu của lãnh đạo, vừa là lực lượng để tổ chức thực hiện các nhiệm vụ đặt ra từ mục tiêu và cũng chính là lực lượng thực hiện việc kiểm tra, kiểm soát, bảo đảm hiệu quả của quá trình lãnh đạo. Mục tiêu tối thượng của cuộc cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản chính là tự do, hạnh phúc của Nhân dân. Đảng Cộng sản lãnh đạo là chỉ đường đi tới mục tiêu ấm no, tự do, hạnh phúc, nhưng Nhân dân là lực lượng thực hiện mục tiêu ấy. Sức mạnh của Nhân dân là vô cùng to lớn, “Trong bầu trời không gì quý bằng nhân dân, trong thế giới không gì mạnh bằng lực lượng đoàn kết của nhân dân”⁽²⁾. Nếu biết đề ra mục tiêu vì lợi ích của Nhân dân, biết động viên, cổ vũ tập hợp lực lượng của Nhân dân thì Đảng với tư cách là lực lượng chính trị lãnh đạo đất nước có thể thực hiện thành công mọi nhiệm vụ của cuộc cách mạng. Ngược lại có nghĩa là thất bại. Vì thế, Hồ Chí Minh đã nhấn mạnh “Ý dân là ý trời”, và “Làm đúng ý nguyện của dân thì ắt thành. Làm trái ý nguyện của dân thì ắt bại”⁽³⁾.

Về bản chất, lãnh đạo chính trị chính là một quá trình tạo dựng ảnh hưởng của một cá nhân hay lực lượng nào đó đối với xã hội để thực hiện những mục tiêu chính trị. Sức mạnh hay quyền lực của lãnh đạo chính trị được tạo thành dựa trên *uy tín* của cá nhân nhà lãnh đạo hay lực lượng lãnh đạo, trên *niềm tin* mà xã hội, tổ chức, cộng đồng địa phương dành cho cá nhân hay lực lượng lãnh đạo mình. Đến lượt mình, *uy tín* và *niềm tin* mà người lãnh đạo hay lực lượng lãnh đạo có được lại xuất phát từ sự *đúng đắn* của mục tiêu, *hiệu quả thực tế* của quá trình thực hiện mục tiêu, những *lợi ích* về vật chất và tinh thần mà kết quả thực hiện mục tiêu lãnh đạo mang lại cho Nhân dân, cho cộng đồng. Như vậy, *uy tín*, *quyền lực* của nhà lãnh đạo hay lực lượng, *tổ chức* nào đó



Chủ tịch Hồ Chí Minh làm việc trong vườn Phủ Chủ tịch năm 1957 _ Ảnh: TL

trong lãnh đạo chính trị là kết quả của một quá trình hoạch định, tổ chức thực hiện đường lối, quá trình Nhân dân thực hiện, đánh giá và thừa nhận tính đúng đắn, hiệu quả của đường lối đó. Chính vì thế, Hồ Chí Minh chỉ ra rằng: “Chỉ trong đấu tranh và công tác hằng ngày, khi quần chúng rộng rãi thừa nhận chính sách đúng đắn và năng lực lãnh đạo của Đảng, thì Đảng mới giành được địa vị lãnh đạo”⁽⁴⁾. Đó là diễn giải chính xác bản chất của lãnh đạo.

3. Mục đích lãnh đạo

Theo Hồ Chí Minh, mục đích cuối cùng của lãnh đạo là mang lại những điều tốt đẹp cho đất nước, cho cuộc sống của Nhân dân cũng như mỗi con người trong xã hội. Mục đích ấy được thể hiện và bảo đảm bằng chế độ chính trị - xã hội mà lực lượng chính trị đó chủ trương, phấn đấu để xây dựng và duy trì. Đối với Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước Việt Nam, mục đích ấy

được khái quát bởi những giá trị văn minh, tiến bộ, thể hiện khát vọng ngàn đời của Nhân dân và được khẳng định ngay trong Quốc hiệu của chế độ: “Độc lập - Tự do - Hạnh phúc”. Nói rõ thêm, đó là độc lập cho đất nước, tự do cho dân tộc, hạnh phúc cho Nhân dân. Vì thế, Hồ Chí Minh khẳng định: “Nhiệm vụ của Đảng ta là một lòng, một dạ phụng sự Tổ quốc và nhân dân. Ngoài lợi ích của Tổ quốc, của nhân dân, Đảng ta không có lợi ích gì khác”⁽⁵⁾. Và, “Chính phủ và Đảng chỉ mưu giải phóng cho nhân dân, vì thế, bất kỳ việc gì cũng vì lợi ích của nhân dân mà làm và chịu trách nhiệm trước nhân dân”⁽⁶⁾. Xuất phát từ cơ sở nhận thức đó, Người yêu cầu: “Chúng ta phải hiểu rằng, các cơ quan của Chính phủ từ toàn quốc cho đến các làng, đều là công bộc của dân, nghĩa là để gánh việc chung cho dân, chứ không phải để đè đầu dân như trong thời kỳ dưới quyền thống trị của Pháp, Nhật.

Việc gì lợi cho dân, ta phải hết sức làm.

Việc gì hại đến dân, ta phải hết sức tránh”⁽⁷⁾.

Từ quan điểm chỉ đạo ấy, trong *Thư gửi Ủy ban nhân dân các kỳ, tỉnh, huyện và làng*, ngày 17/10/1946, Hồ Chí Minh chỉ ra sáu căn bệnh của một số cán bộ, cơ quan của Chính phủ là: 1) Trái phép; 2) Cậy thế; 3) Hủ hóa; 4) Tư túng; 5) Chia rẽ; 6) Kiêu ngạo. Đây là những căn bệnh của người lãnh đạo, cơ quan lãnh đạo, hoàn toàn xa lạ với tính chất của Đảng, với mục tiêu của cuộc cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng, những căn bệnh mới nảy sinh ngay sau khi Đảng ta lãnh đạo Nhân dân vừa giành được chính quyền và thực thi vai trò lực lượng chính trị lãnh đạo đất nước. Trong điều kiện chính quyền nhân dân non trẻ, kẻ thù đang dồn ép, tìm cách tiêu diệt Đảng, tiêu diệt cách mạng, những cảnh báo, chỉ đạo của Hồ Chí Minh về các căn bệnh của lãnh đạo có ý nghĩa to lớn đối với công cuộc kháng chiến, kiến quốc, giúp cho việc củng cố mối quan hệ gắn bó máu thịt của Đảng, Chính phủ với Nhân dân, củng cố niềm tin của Nhân dân đối với Đảng, Chính phủ. Đó chính là một điều kiện có ý nghĩa quyết định đối với sự thành bại của cách mạng, của kháng chiến.

Nói mục đích sự lãnh đạo cách mạng của Đảng là vì Nhân dân nên theo Hồ Chí Minh, mỗi đảng viên của Đảng cũng như toàn Đảng phải gắn bó máu thịt với Nhân dân, đặt lợi ích của Nhân dân, của đất nước lên trên hết. Người nhắc nhở đảng viên vào Đảng không phải để “thăng quan, phát tài”, mà vào Đảng là để “hết lòng hết sức phục vụ giai cấp, phục vụ nhân dân, làm trọn nhiệm vụ của người đảng viên”⁽⁸⁾. Muốn như thế, “sự lãnh đạo trong mọi công tác thiết thực của Đảng, ắt phải *từ trong quần chúng ra, trở lại nơi quần chúng*”⁽⁹⁾. Nói cách khác, Đảng chỉ hoàn thành được sứ mệnh lãnh đạo khi gắn bó máu thịt với Nhân dân, đề ra đường lối xuất phát từ lợi ích

chính đáng của Nhân dân, dựa vào lực lượng vô địch của dân để thực hiện các nhiệm vụ chính trị và toàn bộ hoạt động của Đảng phải vì Nhân dân, trở về với Nhân dân.

4. Lãnh đạo bằng cách nào?

Tư tưởng Hồ Chí Minh về cách thức lãnh đạo rất phong phú với những luận điểm, chỉ dẫn cụ thể, rành mạch. Nội dung cách thức lãnh đạo mà Người chỉ ra tập trung ở các vấn đề chính, bao gồm: lãnh đạo bằng mục tiêu, đường lối chiến lược; lãnh đạo bằng công tác tư tưởng; lãnh đạo bằng công tác tổ chức, cán bộ; lãnh đạo bằng công tác kiểm tra, giám sát; lãnh đạo bằng nêu gương, nhất là nêu gương về đạo đức, lối sống.

(1) *Lãnh đạo bằng mục tiêu, đường lối, chiến lược phát triển*

Theo Hồ Chí Minh, trước hết tổ chức lãnh đạo, lực lượng hay cá nhân người lãnh đạo thực hiện chức năng lãnh đạo của mình *bằng mục tiêu, đường lối, chiến lược phát triển*. Phương thức này được Người diễn đạt như một yêu cầu đầu tiên bảo đảm sự *lãnh đạo đúng* với việc “phải quyết định mọi vấn đề một cách cho đúng”. Để quyết định mọi vấn đề cho đúng thì “Khi đặt ra khẩu hiệu và chỉ thị, luôn luôn phải dựa vào điều kiện thiết thực và kinh nghiệm cách mạng ở các nước, ở trong nước và ở địa phương”⁽¹⁰⁾. Đây là một yêu cầu có ý nghĩa phương pháp luận đối với việc hoạch định chủ trương, chính sách, bảo đảm cho các chủ trương, chính sách hợp lý, hiệu quả, tránh việc *bê nguyên xi* hay *vận dụng máy móc* kinh nghiệm nước ngoài. Để làm được việc này, lãnh đạo phải dựa vào dân, xuất phát từ dân và luôn trở lại nơi dân, “phải thực hành cách liên hợp sự lãnh đạo với quần chúng và liên hợp chính sách chung với chỉ đạo riêng”⁽¹¹⁾. Người giải thích, “Nghĩa là gom góp mọi ý kiến rời rạc, lẻ tẻ của quần chúng, rồi phân tích nó, nghiên cứu nó, sắp đặt nó thành những ý kiến có hệ thống”⁽¹²⁾.

Việc dựa vào Nhân dân để đề ra những chủ trương, chính sách cụ thể được Hồ Chí Minh coi như một vấn đề có tính nguyên tắc trong lãnh đạo và việc không tuân thủ thực hiện nguyên tắc ấy mà dẫn đến khuyết điểm là “ý kiến của những người lãnh đạo thành ra lý luận suông”⁽¹³⁾.

(2) *Lãnh đạo bằng công tác tư tưởng*

Giáo dục về tư tưởng là cách được Hồ Chí Minh rất coi trọng trong quá trình lãnh đạo của Đảng. Người cho rằng: “Lãnh đạo cần phải chú trọng công tác tư tưởng”⁽¹⁴⁾; “giáo dục tư tưởng và lãnh đạo tư tưởng là việc quan trọng nhất của Đảng, phải kiên quyết chống cái thói xem nhẹ tư tưởng”⁽¹⁵⁾. Bởi vì, muốn lãnh đạo đúng, muốn đường lối, chính sách được triển khai thực hiện thành công thì “tư tưởng phải thông”. Tư tưởng thông thì cán bộ trên dưới mới đồng lòng. Trong nội bộ tổ chức đảng - tức là cơ quan lãnh đạo có thông suốt, có đồng lòng thì mới có thể vận động, giải thích tạo nên sự đồng thuận, sự ủng hộ của Nhân dân. Đó chính là điều kiện để thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị do Đảng đưa ra. Người nhấn mạnh, “Nếu đảng viên tư tưởng và hành động không nhất trí, thì khác nào một mớ cát rời, “trống đánh xuôi, kèn thổi ngược”. Như vậy, thì không thể lãnh đạo quần chúng, không thể làm cách mạng”⁽¹⁶⁾.

Để tiến hành công tác tư tưởng, Hồ Chí Minh đặc biệt coi trọng vai trò, trách nhiệm tuyên truyền, vận động của cán bộ, đảng viên. Người yêu cầu mỗi cán bộ đảng viên đều phải liên hệ chặt chẽ với quần chúng nhân dân, giải thích cho Nhân dân hiểu rõ về đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước, vận động, thuyết phục Nhân dân đồng lòng, góp sức thực hiện thành công những chủ trương, chính sách đó. Bởi theo Người, “Dân chúng đồng lòng, việc gì cũng làm được. Dân chúng không ủng hộ, việc gì làm cũng không nên”⁽¹⁷⁾. Cùng với đó, Người nhấn mạnh

vai trò của báo chí trong công tác tư tưởng, coi báo chí là “vũ khí sắc bén”, coi “bài báo là tờ lịch cách mạng để động viên quần chúng đoàn kết đấu tranh, chống chủ nghĩa thực dân cũ và mới, chống chủ nghĩa đế quốc, đứng đầu là đế quốc Mỹ, vì độc lập dân tộc, tiến bộ xã hội và hòa bình thế giới”⁽¹⁸⁾. Và với tư cách là lãnh tụ cách mạng, người lãnh đạo Đảng, lãnh đạo Nhà nước ta, Hồ Chí Minh nhận mình là người có duyên nợ với báo chí và thực tế là trong suốt cuộc đời hoạt động của mình, chưa bao giờ Người ngừng viết báo, ngừng quan tâm đến báo chí.

(3) *Lãnh đạo bằng công tác tổ chức, cán bộ*

Hồ Chí Minh coi công tác cán bộ là nội dung hàng đầu, có vai trò, vị trí đặc biệt quan trọng trong lãnh đạo, thậm chí có ý nghĩa quyết định đối với sự thành công hay thất bại của nhiệm vụ lãnh đạo. Bởi vì, theo Người, “Công việc thành công hoặc thất bại, đều do cán bộ tốt hay kém”⁽¹⁹⁾. Nhìn nhận từ góc độ mối quan hệ giữa lực lượng giữ vai trò lãnh đạo là Đảng và lực lượng chịu sự lãnh đạo, thực thi các mục tiêu, nhiệm vụ để biến chúng thành hiện thực, là “dân chúng”, cán bộ cũng chính là yếu tố “gốc”, có ý nghĩa sống còn. Bởi, “Cán bộ là những người đem chính sách của Đảng, của Chính phủ giải thích cho dân chúng hiểu rõ và thi hành. Đồng thời đem tình hình của dân chúng báo cáo cho Đảng, cho Chính phủ hiểu rõ, để đặt chính sách cho đúng”⁽²⁰⁾. Do vị trí, vai trò và ý nghĩa đặc biệt quan trọng của công tác cán bộ nên Hồ Chí Minh cũng dành cho công tác này sự quan tâm lớn, sâu sắc và toàn diện từ các khâu lựa chọn, đào tạo, bồi dưỡng, rèn luyện, thử thách, đến sử dụng, bảo vệ, giữ gìn, phát huy năng lực; từ việc động viên khen thưởng, giúp đỡ đến việc chỉ ra các thứ bệnh và cách chữa các bệnh thường gặp trong công tác cán bộ và trong cán bộ. Có thể nói, những chỉ dẫn của Hồ Chí Minh về công tác cán bộ trong lãnh đạo, quản lý

là rất cụ thể, tường tận, rành mạch và toàn diện.

Khi bàn về câu hỏi “Đảng phải làm như thế nào?” đối với công tác cán bộ, Hồ Chí Minh chỉ ra sáu nội dung công việc có ý nghĩa như những nguyên tắc trong đào tạo, bồi dưỡng, rèn luyện, quản lý sử dụng và đối xử với cán bộ: (1) Phải biết rõ cán bộ; (2) Phải cất nhắc cán bộ cho đúng; (3) Phải khéo dùng cán bộ; (4) Phải phân phối cán bộ cho đúng; (5) Phải giúp cán bộ cho đúng; (6) Phải giữ gìn cán bộ. Mỗi nội dung đó đều được diễn giải rành mạch, vạch ra các việc cụ thể cần làm và đưa ra những ví dụ để có thể thực hiện trên thực tế.

Đối với công tác giáo dục, đào tạo cán bộ, Hồ Chí Minh coi “*huấn luyện cán bộ là công việc gốc của Đảng*”. Cán bộ làm công việc gì, thuộc chuyên môn nào thì phải được huấn luyện để “cho thạo công việc ở trong môn ấy”⁽²¹⁾, đồng thời, phải được đào tạo để có một nền tảng nhận thức đầy đủ về bốn nội dung lớn là: *Nghề nghiệp, chính trị, văn hóa và lý luận*. Đó là những cơ sở tri thức cần thiết nhất để người cán bộ có thể thực thi được nhiệm vụ công tác của mình. Từ nhận thức về tầm quan trọng đặc biệt của cán bộ trong lãnh đạo, công việc “*thành công hoặc thất bại, đều do cán bộ tốt hay kém*”, Hồ Chí Minh yêu cầu: “Đảng phải nuôi dạy cán bộ, như người làm vườn vun trồng những cây cối quý báu. Phải trọng nhân tài, trọng cán bộ, trọng mỗi một người có ích cho công việc chung của chúng ta”⁽²²⁾.

(4) *Lãnh đạo bằng kiểm tra, kiểm soát*

Theo Hồ Chí Minh, kiểm tra, kiểm soát là một khâu công việc tất yếu, không thể thiếu của lãnh đạo, cũng là một điều kiện bảo đảm sự lãnh đạo có hiệu quả. Vậy tại sao phải kiểm tra, kiểm soát? Theo Người, kiểm tra, kiểm soát nhằm: *thứ nhất*, làm rõ “cán bộ và nhân viên tốt hay xấu”, nghĩa là để hiểu rõ năng lực, phẩm chất của cán bộ có xứng tầm với trách nhiệm công việc được giao

không; *thứ hai*, để “biết rõ ưu điểm và khuyết điểm của các cơ quan”, tức là đánh giá được tình hình tổ chức thực hiện mục tiêu; và *thứ ba*, nhằm “biết rõ ưu điểm và khuyết điểm của các mệnh lệnh và nghị quyết”, có cơ sở để điều chỉnh chủ trương, chính sách kịp thời. Nhưng Người yêu cầu phải *kiểm tra khéo, kiểm soát khéo*, nghĩa là phải có biện pháp thích hợp, khéo léo thì kiểm tra, kiểm soát mới có hiệu quả; “*Kiểm soát khéo*, bao nhiêu khuyết điểm lòi ra hết, hơn nữa *kiểm tra khéo* về sau khuyết điểm nhất định bớt đi”⁽²³⁾.

Vậy thế nào là *kiểm tra khéo, kiểm soát khéo*? Theo Hồ Chí Minh, đó là cách kiểm tra cả hai chiều: “*trên xuống*” và “*dưới lên*”. Kiểm tra, kiểm soát từ *trên xuống* thuộc về trách nhiệm của người lãnh đạo phải “kiểm soát kết quả những công việc của cán bộ mình”⁽²⁴⁾, kiểm tra bảo đảm cấp dưới hoàn thành đúng chức trách, nhiệm vụ và công việc được giao. Kiểm tra, kiểm soát từ *dưới lên* thuộc về sự tham gia của cán bộ, nhân viên trong mỗi cơ quan và Nhân dân trong mỗi cộng đồng xã hội. Đây là cách tốt nhất để “kiểm soát sự sai lầm của lãnh đạo”, giúp người lãnh đạo kịp thời nhận ra và sửa chữa khuyết điểm, sai lầm của mình. Trở lại một yêu cầu có tính nguyên tắc là phải dựa vào dân, phát động được ý thức trách nhiệm của dân để kiểm tra kiểm soát, “muốn kiểm soát đúng thì cũng phải có quần chúng giúp mới được”⁽²⁵⁾.

Theo Hồ Chí Minh, kiểm tra có kết quả rồi thì cũng phải xử lý cho khéo, như thế việc kiểm tra, kiểm soát mới thật hiệu quả. Xử lý khéo có nghĩa là cái gì tốt thì phải nêu ra để động viên cán bộ, Nhân dân phát huy để có kết quả tốt hơn nữa, nhưng “Nơi nào sai lầm, ai sai lầm, thì lập tức sửa chữa”. Đồng thời, phải “kiên quyết thực hành kỷ luật, tức là cá nhân phải tuyệt đối phục tùng tổ chức, số ít phải phục tùng số nhiều, cấp dưới phải phục tùng cấp trên, địa phương phải phục tùng trung ương”⁽²⁶⁾.

(5) *Lãnh đạo bằng nêu gương, nhất là nêu gương về đạo đức, lối sống*

Xuất phát từ bản chất của lãnh đạo là quá trình gây ảnh hưởng, tạo dựng niềm tin, uy tín, xây dựng lực lượng để thực hiện thành công mục tiêu, chiến lược, Hồ Chí Minh coi việc *nêu gương* của người lãnh đạo, lực lượng lãnh đạo là một *cách* rất quan trọng, một phương thức không thể thiếu trong lãnh đạo chính trị. Theo Người, cán bộ lãnh đạo và đảng viên, những người đứng trong hàng ngũ Đảng lãnh đạo, phải là mẫu mực trước Nhân dân, làm gương cho Nhân dân đi theo và làm theo: “Trước mặt quần chúng, không phải ta cứ viết lên trán chữ “cộng sản” mà ta được họ yêu mến. Quần chúng chỉ quý mến những người có tư cách, đạo đức. Muốn hướng dẫn nhân dân, mình phải làm mực thước cho người ta bắt chước”⁽²⁷⁾. Chỉ khi công việc thực tế có hiệu quả và bản thân là tấm gương mẫu mực về tư cách, đạo đức thì người lãnh đạo mới mang lại sức mạnh để thuyết phục Nhân dân, động viên, lôi cuốn Nhân dân đi theo mình, thực hiện các nhiệm vụ chính trị của tổ chức đảng: “Một tấm gương sống còn có giá trị hơn một trăm bài diễn văn tuyên truyền”⁽²⁸⁾.

Vậy người lãnh đạo nêu gương như thế nào, bằng những phẩm chất, năng lực gì? Theo Hồ Chí Minh, có hai phẩm chất quan trọng nhất đối với một cán bộ, đảng viên, nhất là người lãnh đạo, là *tài* và *đức*. Người cho rằng, người có *đức* mà không có *tài* thì làm việc gì cũng khó, nhưng người có *tài* mà không có *đức* thì làm việc gì cũng *hỏng*. *Tài* chính là năng lực chuyên môn, năng lực hoàn thành nhiệm vụ được giao. *Đức* chính là đạo đức, lối sống, là “cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư”, là 5 phẩm chất cơ bản của đạo đức cách mạng: Nhân, Nghĩa, Trí, Dũng, Liêm. Nói về đạo đức của cán bộ, Người luận giải: “Cũng như sông thì có nguồn mới có nước,

không có nguồn thì sông cạn. Cây phải có gốc, không có gốc thì cây héo. Người cách mạng phải có đạo đức, không có đạo đức thì dù tài giỏi mấy cũng không lãnh đạo được nhân dân. Vì muốn giải phóng cho dân tộc, giải phóng cho loài người là một công việc to tát, mà tự mình không có đạo đức, không có căn bản, tự mình đã hủ hóa, xấu xa thì còn làm nổi việc gì?”⁽²⁹⁾.

Trong bản *Di chúc* trước lúc đi xa, Hồ Chí Minh căn dặn Đảng, căn dặn mỗi cán bộ, đảng viên: “Đảng ta là một đảng cầm quyền. Mỗi đảng viên và cán bộ phải thật sự thấm nhuần đạo đức cách mạng, thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư. Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân”⁽³⁰⁾. Để làm tròn trách nhiệm của mình, xứng đáng là người lãnh đạo, Hồ Chí Minh yêu cầu mỗi cán bộ, đảng viên phải không ngừng học tập, tu dưỡng, rèn luyện, học trong sách vở, học trong đồng chí bạn bè, học trong khi thực thi các nhiệm vụ công tác và học trong Nhân dân. Người nhấn mạnh rằng, cán bộ, đảng viên là người lãnh đạo Nhân dân, người thầy của Nhân dân. Muốn lãnh đạo được Nhân dân, làm thầy của Nhân dân thì phải học tập Nhân dân, lắng nghe ý kiến, nguyện vọng của Nhân dân, thấu hiểu Nhân dân. Đồng thời, cán bộ, đảng viên phải thực hành tự phê bình và phê bình, giúp đỡ lẫn nhau để sửa chữa khuyết điểm, để ngày càng tiến bộ hơn.

5. Người lãnh đạo và những căn bệnh của lãnh đạo

(1) *Người lãnh đạo là ai?*

Trong các bài viết, bài nói và tác phẩm của mình, Hồ Chí Minh sử dụng nhiều từ ngữ khác nhau để định danh về người lãnh đạo, như: “người lãnh đạo”, “người thầy”, “lãnh tụ”, “người dẫn dắt”, “người cán bộ”, “người phụ trách”, “cán bộ cốt cán của Đảng”, “công bộc của

dân”, “người đẩy tớ trung thành của Nhân dân”,... Song cho dù biểu đạt ngôn từ như thế nào thì nhận thức của Hồ Chí Minh về người lãnh đạo vẫn bao gồm hàm nghĩa cơ bản sau:

Thứ nhất, theo Hồ Chí Minh, người lãnh đạo là người *dẫn dắt* Nhân dân, cũng có nghĩa là người chỉ đường cho cán bộ, nhân viên và rộng hơn là dẫn dắt, chỉ đường cho Nhân dân trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ, các công việc để đạt được mục đích phát triển của cơ quan, đơn vị, địa phương hay mục đích cách mạng của đất nước, dân tộc nói chung. Người nhấn mạnh rằng, Đảng lãnh đạo nghĩa là Đảng vạch ra đường lối, chủ trương, chỉ ra con đường đi lên chủ nghĩa xã hội, còn Nhân dân là người xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Thứ hai, người lãnh đạo là *thầy học* của Nhân dân, có nghĩa là người hiểu được dân và biết cách giáo dục, tuyên truyền, giải thích để làm cho dân hiểu về đường lối, chủ trương của cách mạng, thuyết phục để dân hưởng ứng, tham gia, góp công, góp sức cùng thực hiện thắng lợi các chủ trương, đường lối đó. Tức là, người lãnh đạo phải truyền thụ những tri thức mới nhằm nâng cao nhận thức của Nhân dân lên ngang tầm với nhiệm vụ chính trị đặt ra, phù hợp với yêu cầu, đòi hỏi của việc thực hiện chủ trương, đường lối, chiến lược phát triển. Hồ Chí Minh yêu cầu những người đứng trong hàng ngũ của Đảng, tổ chức chính trị lãnh đạo cách mạng, phải “Lãnh đạo nhân dân bằng cách tuyên truyền, giải thích, cổ động, giáo dục, tổ chức nhân dân, dựa vào nhân dân để thực hiện nguyện vọng chính đáng của nhân dân”⁽³¹⁾. Để làm được trách nhiệm là *thầy học* của dân, người lãnh đạo phải gần gũi, gần bó với Nhân dân, “lắng nghe và hiểu biết nhân dân”, biết “học hỏi nhân dân”.

Thứ ba, người lãnh đạo là *công bộc của Nhân dân*, Người lấy phục vụ Nhân dân, phục vụ cách

mạng, thực hiện mục tiêu vì độc lập tự do cho đất nước, cho dân tộc, hạnh phúc cho Nhân dân là mục đích, lý tưởng để phấn đấu, cống hiến. Ý nghĩa này xuất phát từ bản chất của Đảng. Theo Hồ Chí Minh, “Đảng không có lợi ích gì khác” ngoài lợi ích của Tổ quốc, của dân tộc và Nhân dân. Mục đích tối thượng của Đảng là giải phóng đất nước, giải phóng dân tộc, “nâng cao sinh hoạt, văn hóa, chính trị của nhân dân”⁽³²⁾, cũng có nghĩa là mang lại hạnh phúc cho Nhân dân. Và do đó, các cán bộ lãnh đạo của Đảng, Chính phủ “đều là công bộc của dân”, “là để gánh việc chung của dân, chứ không phải để đè đầu dân như trong thời kỳ dưới quyền thống trị của Pháp, Nhật”. Muốn xứng đáng là *công bộc của Nhân dân*, người cán bộ lãnh đạo phải “có lòng kiên quyết, có chí hy sinh”, phải chí công, vô tư, đặt lợi ích của Đảng, của dân tộc, Nhân dân lên trên lợi ích cá nhân.

Thứ tư, người lãnh đạo là người gần bó máu thịt với Nhân dân, chia sẻ với Nhân dân, hiểu biết sâu sắc Nhân dân. Bởi vì, Đảng ta là con nòi của Nhân dân. Niềm tin của Nhân dân vào Đảng, uy tín của Đảng đối với Nhân dân là bảo đảm cho sức mạnh, cho hiệu quả lãnh đạo của Đảng. Đó là cơ sở đòi hỏi cá nhân cán bộ, đảng viên với vai trò người lãnh đạo không chỉ là người bạn của Nhân dân, người bảo vệ Nhân dân, mà hơn thế, phải gần bó với Nhân dân, đồng cam, cộng khổ với Nhân dân, lo trước cái lo của Nhân dân, vui sau cái vui của Nhân dân. Mặt khác, “Dân chúng rất khôn khéo, rất hăng hái, rất anh hùng”, vì vậy, cán bộ, đảng viên, người lãnh đạo “phải học dân chúng, phải hỏi dân chúng, phải hiểu dân chúng”⁽³³⁾ để có thể vận động, thuyết phục, phát huy được sức mạnh của dân chúng trong cách mạng, trong xây dựng, phát triển đất nước.

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, người lãnh đạo cho dù xét dưới hàm nghĩa nào cũng gần bó chặt chẽ với Nhân dân. Người lãnh đạo với Nhân dân

như hai mặt của một sự vật, hai mặt của một quá trình, không thể thiếu nhau, không thể tách rời nhau, luôn phụ thuộc lẫn nhau. Điều này, *một mặt* thể hiện sự nhất quán tư tưởng trọng dân, vì dân, xuất phát từ mục đích của con đường cách mạng mà Người đã lựa chọn và tận hiến cả cuộc đời mình, từ mục tiêu phấn đấu của Đảng Cộng sản mà Người đã sáng lập và rèn luyện - đó là hạnh phúc của Nhân dân. *Mặt khác*, đó là thể hiện tầm nhận thức sâu sắc về bản chất của hoạt động lãnh đạo, trong đó, hiệu quả của lãnh đạo bị quy định bởi mối quan hệ hữu cơ, gắn bó với đối tượng của lãnh đạo; và chính hành vi xã hội của đối tượng là yếu tố cuối cùng quyết định kết quả của sự lãnh đạo.

(2) *Những sai lầm thường gặp trong lãnh đạo*

Mặc dù trong hoạt động lãnh đạo, mối quan hệ giữa lãnh đạo và bị lãnh đạo là quan hệ hai chiều phụ thuộc và gắn bó chặt chẽ với nhau, nhưng người lãnh đạo bao giờ cũng có vị thế cao trong xã hội hay cộng đồng. Do đó, nếu không nhận thức đầy đủ vai trò, vị trí, trách nhiệm của mình, người lãnh đạo có nguy cơ mắc phải một số sai lầm, khuyết điểm, thứ mà Hồ Chí Minh gọi là *bệnh* hay là *óc*. Trong tác phẩm *Sửa đổi lối làm việc* viết xong tháng 10/1947, khi mà Đảng Cộng sản vừa lãnh đạo Nhân dân ta thực hiện thành công cuộc Cách mạng Tháng Tám và chính quyền nhân dân non trẻ mới đang ở tuổi thứ hai, Hồ Chí Minh đã chỉ ra, báo động và phê phán một loạt bệnh của cán bộ, đảng viên, những người giữ vai trò, địa vị lãnh đạo đảng, chính quyền ở các địa phương, đơn vị, tổ chức trong cả nước. Đó là những thứ bệnh như:

Bệnh tham lam là đặt lợi ích của mình lên trên lợi ích của Đảng, của đất nước, của dân tộc, “tự tư tự lợi”, dùng của công làm việc tư, lợi dụng quyền lực của Đảng để theo đuổi mục đích cá nhân, sinh hoạt xa hoa, tiêu pha bừa bãi.

Bệnh lười biếng là tự cho mình cái gì cũng giỏi, lười học tập, lười suy nghĩ, tranh lấy việc dễ cho mình, đùn đẩy việc khó cho người khác, thấy việc nguy hiểm thì tìm cách trốn tránh, dẫn đến sự mất đoàn kết trong nội bộ, cách lãnh đạo quan liêu, xa dân, có hại cho đoàn thể.

Bệnh kiêu ngạo là tự cao, tự đại, ham địa vị, hay lên mặt, thích khoe khoang thành tích, ưa được tặng bốc, khen nịnh, không thêm học hỏi quần chúng, không muốn cho người ta phê bình, việc gì cũng chỉ muốn làm thầy người khác.

Bệnh hiếu danh là tự cho mình là anh hùng, vĩ đại, vì danh vọng mà làm cả việc không đáng làm, chỉ biết lên, không biết xuống; chỉ chịu được sướng mà không chịu được khổ; chỉ ham chức vụ cao, quyền lực lớn mà không thích làm việc thiết thực.

Bệnh thiếu kỷ luật là quên kỷ luật của Đảng, làm gì cũng đặt cá nhân lên trên hết, thích làm gì tự theo ý mình thích, phê bình thì công kích người không ưa, cất nhắc cốt làm ơn người quen thuộc.

Óc hẹp hòi là trong Đảng thì không dám cất nhắc người tài, sợ người ta giỏi hơn mình; ngoài Đảng thì khinh người, không hợp tác với người có đạo đức, tài năng, vì thế mà làm cho người ta uất ức, còn mình thì cô độc.

Óc địa phương là chỉ biết đến, chỉ lo cho địa phương mình, cơ quan mình, không quan tâm, liên hệ với địa phương khác, cơ quan khác, không có cái nhìn toàn thể, không biết rằng lợi ích bộ phận phải phục tùng lợi ích tổng thể.

Óc lãnh tụ là tự cao, tự đại, có chút thành tích đã tự cho mình là tài giỏi, đáng làm anh hùng, lãnh tụ rồi, không hiểu rằng, anh hùng, lãnh tụ là do Nhân dân, tổ chức tôn vinh vì tài năng và công hiến, không phải tự mình muốn là được.

Bệnh “hữu danh vô thực” là làm việc không thiết thực, không xuất phát từ yêu cầu, điều kiện đúng đắn, làm cho có chuyện, báo cáo thì “ít suýt

ra nhiều” lấy oai, không mang lại hiệu quả thực chất cho cơ quan, đơn vị, địa phương.

Bệnh kéo bè kéo cánh là che đậy, bảo vệ và chỉ ủng hộ người hợp với mình, người nào không hợp với mình thì tốt cũng cho là xấu, hay cũng cho là dở, tìm cách dèm pha, đim dập, tạo ra bè phái gây mất đoàn kết nội bộ.

Bệnh cận thị là không trông xa thấy rộng, không thấy việc to tát, chỉ chăm chăm những việc nhỏ bé, không thấy những sự lợi hại lớn, chỉ thấy sự lợi hại nhỏ nhen... và một số bệnh khác.

Tất cả những thứ bệnh trên đây đều có tác động xấu đến hiệu quả của sự lãnh đạo, có hại cho uy tín và niềm tin của Nhân dân đối với Đảng, đoàn thể, có hại cho sự nghiệp cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng. Nói như Hồ Chí Minh: “Những tật bệnh đó khiến cho Đảng xệch xoạc, ý kiến lung tung, kỷ luật lỏng lẻo, công việc bê trễ. Chính sách không thi hành được triệt để. Đảng xa rời dân chúng”⁽³⁴⁾. Nguyên nhân gốc rễ chính của những thứ bệnh đó chính là *chủ nghĩa cá nhân*. Theo Hồ Chí Minh, “Chủ nghĩa cá nhân là như một thứ vi trùng rất độc, do nó mà sinh ra các thứ bệnh rất nguy hiểm”⁽³⁵⁾. Tất cả những căn bệnh trong lãnh đạo, quản lý mà Hồ Chí Minh đã cảnh báo, đã phê phán từ hơn 70 năm trước, đến hôm nay, chúng ta vẫn có thể nhận thấy, nhìn ra trong đời sống và nhất là trong các hành vi, lối sống, cách hành xử của những cán bộ tha hóa, biến chất, vi phạm kỷ luật của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Điều đó, một mặt thể hiện tầm nhìn xa, trông rộng, sự thấu hiểu sâu sắc của Hồ Chí Minh về vấn đề lãnh đạo chính trị nói chung và xây dựng Đảng, xây dựng Nhà nước trong quá trình đi lên chủ nghĩa xã hội trong điều kiện, bối cảnh của nước ta nói riêng. Mặt khác, đó cũng là sự phản ánh tính quy luật trong xã hội, rằng ở đâu có quyền lực thì ở đó có nguy cơ về sự tha hóa quyền lực. Vấn đề hạn chế, ngăn chặn đến đâu sự tha hóa quyền lực, làm cho

những nguy cơ về tha hóa quyền lực ấy không trở thành hiện thực hoặc ít tác động tiêu cực đến đời sống xã hội, hoàn toàn phụ thuộc vào tính chất của chế độ chính trị - xã hội, vào quyết tâm, giải pháp, cách làm của lực lượng chính trị lãnh đạo xã hội. Cũng từ đó để thấy rằng, lời cảnh tỉnh của Chủ tịch Hồ Chí Minh từ hơn nửa thế kỷ trước vẫn đang có ý nghĩa rất to lớn, rất sâu sắc và rất thực tế đối với Đảng, Nhà nước và mỗi cán bộ, đảng viên chúng ta hôm nay: “Một dân tộc, một đảng và mỗi con người, ngày hôm qua là vĩ đại, có sức hấp dẫn lớn, không nhất định hôm nay và ngày mai vẫn được mọi người yêu mến và ca ngợi, nếu lòng dạ không trong sáng nữa, nếu sa vào chủ nghĩa cá nhân”⁽³⁶⁾.

(3) Cách chữa những căn bệnh của lãnh đạo

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh về lãnh đạo chính trị, khuyết điểm không phải là điều đáng sợ mà đáng sợ chính là ở việc *cố tình giấu diếm khuyết điểm, sai lầm*, “biết mình có khuyết điểm, nhưng không chịu cố gắng sửa đổi”. Bởi vì, “Người đời ai cũng có khuyết điểm. Có làm việc thì có sai lầm”. Khuyết điểm, sai lầm cũng như một căn bệnh, nếu cố tình giấu diếm, căn bệnh đó sẽ ngày càng nặng hơn, đến lúc nào đó sẽ không còn thuốc nào chữa được nữa. Nhưng nếu “ta thấy rõ những bệnh ấy thì ta tìm được cách chữa”. Người chỉ ra rằng, “một Đảng mà giấu diếm khuyết điểm của mình là một Đảng hỏng. Một Đảng có gan thừa nhận khuyết điểm của mình, vạch rõ những cái đó, vì đâu mà có khuyết điểm đó, xét rõ hoàn cảnh sinh ra khuyết điểm đó, rồi tìm kiếm mọi cách để sửa chữa khuyết điểm đó. Như thế là một Đảng tiến bộ, mạnh dạn, chắc chắn, chân chính”⁽³⁷⁾.

Vậy làm thế nào để tìm ra được, biết được rằng có những sai lầm, khuyết điểm trong lãnh đạo?

Thứ nhất, phải làm tốt công tác kiểm tra, kiểm soát. Bởi vì nếu kiểm tra, kiểm soát khéo, “bao nhiêu khuyết điểm lòi ra hết”. Muốn kiểm tra,

kiểm soát tốt thì phải làm cả từ hai chiều. Chiều *từ trên xuống*, tức là công tác kiểm tra, kiểm soát của các cơ quan lãnh đạo, quản lý phải làm một cách hệ thống, thường xuyên, phải giao cho những người trung thực, có uy tín. Chiều *từ dưới lên* tức là dựa vào quần chúng, phát động Nhân dân tham gia giám sát, phát hiện những sai lầm khuyết điểm của người lãnh đạo, cơ quan lãnh đạo, để cho Nhân dân tham gia, giúp đỡ việc sửa chữa những sai lầm, khuyết điểm đó.

Thứ hai, thực hiện tốt tự phê bình và phê bình. Theo Hồ Chí Minh, “Phê bình cũng như uống thuốc. Sợ phê bình, cũng như có bệnh mà giấu bệnh. Không dám uống thuốc”⁽³⁸⁾. Tự phê bình và phê bình là cách mà cả lãnh đạo và cấp dưới phải thực hiện thường xuyên, nghiêm túc. Tự phê bình và phê bình là cách tốt nhất để tìm ra sai lầm, khuyết điểm, là phương thuốc tốt nhất để sửa chữa sai lầm, khuyết điểm. Nhưng tự phê bình và phê bình phải cho khéo, phải trên tình đồng chí, đồng đội, thương yêu, giúp đỡ nhau cùng tiến bộ.

Tuyệt nhiên không lợi dụng phê bình để công kích, vu khống cán bộ. Tự phê bình và phê bình phải thực hiện thường xuyên để phát hiện sớm những sai lầm khuyết điểm và kịp thời giúp cán bộ sửa chữa khi chúng còn nhỏ, còn ít tác động xấu. Theo Hồ Chí Minh, “Phê bình cho đúng, chẳng những không làm giảm thể diện và uy tín của cán bộ, của Đảng. Trái lại, còn làm cho sự lãnh đạo mạnh mẽ hơn, thiết thực hơn, do đó mà uy tín và thể diện cũng tăng thêm”⁽³⁹⁾.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về lãnh đạo chính trị là một di sản quý báu của Hồ Chí Minh, không chỉ có ý nghĩa như một hệ thống lý luận được xây dựng và dựa chắc trên những cơ sở khoa học và thực tiễn phong phú, tin cậy, mà còn bao hàm những phương pháp, nội dung, cách thức có ý nghĩa thực tiễn thiết thực, có tính thời sự. Việc vận dụng tư tưởng của Người về lãnh đạo chính trị sẽ mang lại cho chúng ta những gợi mở hữu ích để giải quyết những vấn đề mà thực tiễn công tác lãnh đạo chính trị đang đặt ra hiện nay ❖

(1), (6), (9), (10), (11), (12), (13), (17), (19), (20), (21), (22), (23), (24), (25), (26), (29), (32), (33), (34), (35), (37), (38), (39) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Tập 5, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.325, 285, 330, 289, 331, 330, 331, 333, 313, 309, 310, 313, 327, 328, 325, 308, 292-293, 290, 333, 298, 295, 301, 301, 324.

(2), (3) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Tập 10, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.453, 63.

(4) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Tập 3, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.168.

(5) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Tập 9, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.31.

(7) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Tập 4, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.64-65.

(8), (30), (36) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Tập 15, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.112, 611-612, 672.

(14) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Tập 13, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.261.

(15) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Tập 8, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.279.

(16) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Tập 11, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.606.

(18) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Tập 14, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.540.

(27), (31) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Tập 6, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.16, 432.

(28) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Tập 1, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.284.